TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2026
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân
2. Bà Lê Thị Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1037/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng; Sinh năm: 1989
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn 10, xã Q, tỉnh Nghệ An.
Số CCCD: 040189029830
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Quách Phúc N; Sinh năm: 1992
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã V, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038092011682
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ an, chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Phúc N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (Nay là xã V), tỉnh Thanh Hóa ngày 14/02/2014. Thời gian đầu, vợ chồng sống hòa thuận bình thường nhưng sau khi chị sinh con thứ 2 vào năm 2016 thì vợ chồng sinh sống ở hai nơi khác nhau. Chị sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Nghệ An còn anh N sống ở nhà nội tại Thanh Hóa. Do vợ chồng xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Giữa hai bên không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã, thiếu tôn trọng nhau. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai bên đều cảm thấy chán nản. Giữa chị và anh N đã sống ly thân trong thời

gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Quách Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/8/2014 và Quách Phúc D, sinh ngày 12/8/2016. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị Ng xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Nguyễn Bảo N, giao cháu Quách Phúc D cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2026, anh Quách Phúc N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ng có đăng ký kết hôn như chị Ng trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng giống như chị Ng đã trình bày ở trên. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị Ng trình bày. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Phúc D, giao cháu Quách Nguyễn Bảo N cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Quách Phúc N; Về con chung: Giao cháu Quách Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/8/2014 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Phúc D, sinh ngày 12/08/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Chị Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với anh Quách Phúc N, anh N cư trú tại xã V, tỉnh Thanh Hóa nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208

BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh N vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh N và đã thông báo kết quả kiểm phiên họp cho anh N theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Chị Ng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, chị Ng và anh N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Ng và anh N.

[6]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Quách Phúc N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, (Nay là xã V), tỉnh Thanh Hóa ngày 14/02/2014 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên hay sảy ra bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc. Chị Ng và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả chị Ng và anh N đều thừa nhận và cũng đã được chính quyền nơi cư trú của anh N xác nhận. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Quách Phúc N.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, hiện nay cháu N đang ở với chị Ng, cháu D đang ở với anh N. Bản thân cháu Ng có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu D có nguyện vọng được với bố. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị Ng và ạnh N. Giao cháu N cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[8]. Về tài sản: Chị Ng và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ng và anh Quách Phúc N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/8/2014 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Phúc D, sinh ngày 12/08/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Ng, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số *BLTU/26E/0003304,* ngày 29/4/2026. Chị Ng đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị Ng và anh Quách Phúc N. Chị Ng và anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc